

Số: 151.../SCID

TP.Hồ Chí Minh, ngày 29.. tháng 7... năm 2019

“V/v công bố thông tin
BCTC hợp nhất Quý 2/2019”

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op (SCID)**

Trụ sở chính: 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (028) 38360143

Fax: (028) 38225457

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đoàn Trần Thái Duy

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc thường trực

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (028) 38360143

Fax: (028) 38225457

Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường Yêu cầu

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2/2019.

Chúng tôi cũng đã công bố thông tin báo cáo này trên trang thông tin điện tử của Công ty:
www.scid-jsc.com.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu
trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Website (để CBTT);
- Lưu VT.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC



Đoàn Trần Thái Duy

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

.....❧❧.....

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT QUÝ 2

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**(Dạng đầy đủ)****Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (ước thực hiện)	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		531,673,669,682	631,364,212,284
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	150,995,621,029	148,530,100,326
1. Tiền	111		16,663,435,897	17,441,615,281
2. Các khoản tương đương tiền	112		134,332,185,132	131,088,485,045
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12,752,460,000	16,809,539,603
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	13,811,182,534	13,809,539,603
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1,058,722,534)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	3,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		353,981,132,397	453,049,664,720
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	13,571,541,314	33,738,905,556
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	140,432,299	50,562,001
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	328,500,000,000	403,500,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	11,769,158,784	15,760,197,163
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		957,145,947	828,887,353
1. Hàng tồn kho	141		957,145,947	828,887,353
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12,987,310,309	12,146,020,282
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	728,865,362	497,356,413
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3,990,045,602	5,003,850,186
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	8,268,399,345	6,644,813,683
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (ước thực hiện)	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,809,174,014,305	1,741,599,991,864
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1,000,032,000	1,013,032,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1,000,032,000	1,013,032,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		90,060,217,808	95,850,987,946
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	89,812,028,322	95,330,401,718
- Nguyên giá	222		146,939,687,400	148,074,236,611
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57,127,659,078)	(52,743,834,893)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	248,189,486	520,586,228
- Nguyên giá	228		1,961,780,458	1,961,780,458
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,713,590,972)	(1,441,194,230)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	140,741,740,498	143,286,968,920
- Nguyên giá	231		160,418,378,179	160,418,378,179
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(19,676,637,681)	(17,131,409,259)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		490,330,011,915	490,330,011,915
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	490,330,011,915	490,330,011,915
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1,084,804,087,516	1,007,871,787,154
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	1,084,804,087,516	1,007,871,787,154
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2,237,924,568	3,247,203,929
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	2,204,179,184	2,860,923,823
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		33,745,384	386,280,106
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,340,847,683,987	2,372,964,204,148

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (ước thực hiện)	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		193,277,496,668	196,153,409,388
I. Nợ ngắn hạn	310		82,273,359,899	84,586,501,855
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	1,131,770,617	1,811,566,287
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		300,005,067	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	818,463,144	3,872,979,274
4. Phải trả người lao động	314	V.15	1,790,946,663	15,973,058,031
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	306,631,290	132,695,021
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	131,916,045	84,961,500
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a,c	69,940,617,440	55,269,986,648
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	7,853,009,633	7,441,255,094
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		111,004,136,769	111,566,907,533
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	49,200,000
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b,c	109,741,145,117	109,987,692,678
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1,262,991,652	1,530,014,855
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (ước thực hiện)	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,147,570,187,319	2,176,810,794,760
I. Vốn chủ sở hữu	410		2,147,570,187,319	2,176,810,794,760
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	826,899,167,390	823,763,605,694
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	310,452,834,041	343,052,545,832
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		298,029,079,962	270,917,367,599
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		12,423,754,079	72,135,178,233
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.20	10,218,185,888	9,994,643,234
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,340,847,683,987	2,372,964,204,148

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2019



Tạ Ngọc Thảo
Người lập biểu



Bùi Thị Kim Nga
Kế toán trưởng



Đoàn Trần Thái Duy
Phó Tổng GĐ TT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	22,697,585,802	69,019,035,152	58,931,090,415	106,972,429,432
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	22,697,585,802	69,019,035,152	58,931,090,415	106,972,429,432
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	17,023,492,365	53,608,123,185	33,916,753,049	72,225,883,712
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5,674,093,437	15,410,911,967	25,014,337,366	34,746,545,720
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7,328,349,357	6,695,789,973	14,111,590,476	12,877,645,283
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,058,722,534	(277,533,938)	1,058,722,534	(256,756,620)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	(257,219,178)	-	146,674,822
8. Lãi / lỗ từ công ty liên doanh, liên kết			15,822,709,833	17,624,197,906	29,332,300,362	29,498,586,164
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3,293,584,666	3,527,094,945	6,942,334,858	6,975,271,287
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	12,427,428,974	10,953,321,865	24,275,890,303	22,159,217,617
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12,045,416,453	25,528,016,974	36,181,280,509	48,245,044,883
12. Thu nhập khác	31	VI.7	359,472,229	835,860,010	449,931,452	1,720,375,183
13. Chi phí khác	32	VI.8	479,382,247	217,505,691	1,881,212,279	636,217,485
14. Lợi nhuận khác	40		(119,910,018)	618,354,319	(1,431,280,827)	1,084,157,698
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11,925,506,435	26,146,371,293	34,749,999,682	49,329,202,581
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	(39,179,212)	2,568,266,224	1,619,401,794	4,502,210,285
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		32,904,350	338,928,185	85,511,519	(2,715,411,514)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11,931,781,297	23,239,176,884	33,045,086,369	47,542,403,810
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ			12,423,754,079	22,603,833,998	32,821,543,715	46,084,795,232
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			(491,972,782)	635,342,886	223,542,654	1,457,608,578
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		124	226	328	461
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		124	226	328	461


Tạ Ngọc Thảo
Người lập biểu

Bùi Thị Kim Nga
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp trực tiếp)****Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		72,048,090,521	88,071,762,214
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(34,981,709,242)	(42,768,913,553)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(28,451,419,449)	(19,410,985,258)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	(573,715,918)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(5,860,134,970)	(7,643,866,423)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		96,977,362,139	93,456,339,794
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(140,595,015,403)	(117,418,694,556)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(40,862,826,404)	(6,288,073,700)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(13,236,251,927)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(136,310,198,444)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		78,000,000,000	105,153,834,258
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(47,600,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14,177,289,307	18,948,459,835
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		44,577,289,307	(25,444,156,278)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Thu tiền từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(34,768,734,689)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1,248,942,200)	(1,193,498,502)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1,248,942,200)	(35,962,233,191)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2,465,520,703	(67,694,463,169)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	148,530,100,326	197,498,402,631
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	150,995,621,029	129,803,939,462

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2019



Tạ Ngọc Thảo
Người lập biểu



Bùi Thị Kim Nga
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ước thực hiện Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần đầu tư phát triển Sài Gòn Co-op (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: đầu tư xây dựng, kinh doanh trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng; cho thuê mặt bằng và tài sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong quý có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty cổ phần đầu tư phát triển Sài Gòn Co-op đang triển khai công tác tái cấu trúc hoạt động kinh doanh trong thời gian tới theo định hướng: không đầu tư vào hoạt động bán lẻ Co.opmart mà chuyển sang đầu tư trung tâm thương mại, trung tâm thương mại chuyên dùng, Outlet, các dự án bất động sản phức hợp, các dịch vụ tư vấn thiết kế, giám sát, pháp lý, quản lý dự án, giới thiệu mặt bằng cho Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh. Để thực hiện theo định hướng này, Công ty sẽ:

- Chuyển nhượng vốn đầu tư tại các công ty liên kết hoạt động bán lẻ Co.opmart cho Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh.
- Nhận chuyển nhượng vốn đầu tư tại các công ty liên kết đầu tư vào Trung tâm thương mại hoặc dự kiến sẽ đầu tư vào Trung tâm thương mại từ Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh.
- Chuyển nhượng bất động sản hoặc quyền cho thuê bất động sản đã đầu tư siêu thị Co.opmart và đang cho Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh thuê kinh doanh bán lẻ Co.opmart.
- Nhận chuyển nhượng bất động sản hoặc quyền cho thuê bất động sản đã đầu tư Trung tâm thương mại hoặc dự kiến sẽ đầu tư vào Trung tâm thương mại từ Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

6. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH SCID 23/9	56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM	Xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH MTV thương mại Sài Gòn - Bến Tre	Số 26A đường Trần Quốc Tuấn, phường 4, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Bình Dương	Đường 30 tháng 4, phường Chánh Nghã, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Đang thực hiện thủ tục giải thể			

Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Cà Mau	09 Trần Hưng Đạo, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	36,75%	36,75%	36,75%
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Cần Thơ	Số 01 Đại lộ Hoà Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	34,00%	34,00%	34,00%
Công ty TNHH đầu tư quốc tế Sài Gòn Co.op	Lầu 3, số 199-205, đường Nguyễn Thái Học, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	49,00%	49,00%	49,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH TMDV siêu thị Co.opmart Hòa	121 Phạm Văn Thuận, P.Tân Tiến, TP.Biên Hòa – Đồng Nai	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	29,00%	29,00%	29,00%
Công ty cổ phần phát triển khu phức hợp thương mại Vietsin	Khu phức hợp số 2, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	36,00%	36,00%	36,00%

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc Quý 2 của năm tài chính Công ty có 60 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 58 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.

- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc Quý 2. Trường hợp tại ngày kết thúc Quý 2 thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc Quý

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc Quý 2 được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý 2 được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc Quý 2 được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa văn phòng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí cải tạo

Chi phí cải tạo được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá thời gian thuê mặt bằng.

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	39
Nhà	25 - 30

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc Quý 2.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay và các công cụ tài chính không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ 2 NĂM 2019**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1,465,217,208	2,348,930,617
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15,198,218,689	15,092,684,664
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền (*)	134,332,185,132	131,088,485,045
Cộng	<u>150,995,621,029</u>	<u>148,530,100,326</u>

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng

2. Các khoản đầu tư tài chính**2a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chứng khoán kinh doanh	13,811,182,534	13,809,539,603
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-1,058,722,534	-
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng	-	3,000,000,000
Cộng	<u>12,752,460,000</u>	<u>16,809,539,603</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

2b) Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lũy kế lãi/lỗ phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lũy kế lãi/lỗ phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn – Cà Mau ⁽ⁱ⁾	34,545,000,000	(5,355,343,760)	29,189,656,240	34,545,000,000	(4,550,476,786)	29,994,523,214
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn – Cần Thơ ⁽ⁱⁱ⁾	74,800,000,000	(5,107,624,115)	69,692,375,885	27,200,000,000	(7,471,892,215)	19,728,107,785
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Sài Gòn Co.op ⁽ⁱⁱⁱ⁾	24,500,000,000	14,303,540	24,514,303,540	24,500,000,000	11,212,907	24,511,212,907
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Siêu thị Co.opmart Biên Hòa ^(iv)	7,440,520,518	12,103,752,001	19,544,272,519	7,440,520,518	9,736,289,037	17,176,809,555
Công ty cổ phần phát triển khu phức hợp thương mại Vietsin ^(v)	754,099,056,000	187,764,423,332	941,863,479,332	754,099,056,000	162,362,077,693	916,461,133,693
Cộng	895,384,576,518	189,419,510,998	1,084,804,087,516	847,784,576,518	160,087,210,636	1,007,871,787,154

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000969020 ngày 20 tháng 5 năm 2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 04 ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, Biên bản họp hội đồng thành viên số 09/CM ngày 01/02/2016 Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Cà Mau 34.545.000.000 VND, tương đương 36,75% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800502219 ngày 08 tháng 11 năm 2012, chứng nhận thay đổi lần thứ 15 ngày 14 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Cần Thơ 27.200.000.000 VND, tương đương 34,00% vốn điều lệ. Năm 2019, theo biên bản họp ngày 31/01/2019, Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Cần Thơ đã điều chỉnh tăng vốn điều lệ lên 220.000.000.000 đồng. Trong đó, tổng số vốn mà Công ty đã góp vào Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Cần Thơ là 74.800.000.000 đồng, chiếm 34% vốn điều lệ.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310384927 ngày 15 tháng 10 năm 2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 13 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH đầu tư quốc tế Sài Gòn Co.op 24.500.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4702001225, chứng nhận thay đổi lần thứ 11 ngày 26 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thương mại dịch vụ Co.opmart Biên Hòa 7.440.520.518 VND, tương đương 29% vốn điều lệ.

(v) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411032000083, chứng nhận thay đổi lần thứ 03 ngày 17 tháng 6 năm 2013 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển Khu phức hợp Vietsin 754.099.056.000 VND, tương đương 36,00% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	12,904,172,318	31,278,901,109
Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh	9,400,863,654	24,094,241,992
Công ty TNHH TM Sài Gòn Cần Thơ (HTV)	-	5,889,942,432
Công ty TNHH TMDV Sài Gòn - Cà Mau	3,503,308,664	187,150,685
Công ty TNHH Sài Gòn Buôn Hồ	-	1,107,566,000
Phải thu các khách hàng khác	667,368,996	2,460,004,447
Công ty CP Chíp Sáng	-	371,697,946
Công ty TNHH TMDV 239	-	1,695,953,609
Công ty CP Phim Thiên Ngân - CN Bến Tre	158,327,871	123,083,830
CN Bến Tre - Công ty CP Pizza Ngon	99,360,128	-
Công ty Liên doanh TNHH KFC Việt Nam	49,584,353	-
Lê Thị Huyền Ly	56,073,688	-
Công ty TNHH Dream Games Việt Nam	114,786,450	-
Khách hàng khác	189,236,506	269,269,062
Cộng	<u>13,571,541,314</u>	<u>33,738,905,556</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Kiểm Toán và tư vấn A&C	49,000,000	5,500,000
Bệnh viện ĐH Y dược TP.HCM	65,260,000	-
Công ty TNHH ĐT SX Phước Thịnh	11,809,600	-
Công ty TNHH TMXD và XNK Phương Thuận	-	23,062,001
CN Công ty TNHH Kiểm Toán và tư vấn A&C tại Cần Thơ	-	22,000,000
Khác	14,362,699	-
Cộng	<u>140,432,299</u>	<u>50,562,001</u>

5. Cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh	315,000,000,000	390,000,000,000
Công ty TNHH TMDV Sài Gòn - Cà Mau	13,500,000,000	13,500,000,000
Cộng	<u>328,500,000,000</u>	<u>403,500,000,000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	578,002,820	-	1,488,122,504	-
Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP.HCM	578,002,820	-	1,488,122,504	-
Phải thu khác	11,191,155,964	-	14,272,074,659	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	10,048,116,000	-	10,052,742,000	-
Tạm ứng	165,850,000	-	109,000,000	-
Lãi dự thu	894,101,560	-	949,803,222	-
Khác	83,088,404	-	3,160,529,437	-
Cộng	11,769,158,784	-	15,760,197,163	-

6b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ thuê mặt bằng dài hạn.

7. Nợ quá hạn chưa thu

Công ty có các khoản nợ quá hạn thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu thanh lý tài sản cố định	Dưới 06 tháng	-	-	Dưới 06 tháng	-	-
Các tổ chức khác (Chip Sáng)	Dưới 06 tháng	-	-	Dưới 06 tháng	12,234,917	12,234,917
Cộng		-	-		12,234,917	12,234,917

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	95,349,108	122,432,149
Chi phí bảo hiểm	60,334,437	20,111,475
Chi phí bảo trì, bản quyền phần mềm	459,781,860	133,598,231
Chi phí đồng phục	92,735,045	185,470,091
Khác	20,664,912	35,744,467
Cộng	728,865,362	497,356,413

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	231,286,821	374,578,865
Chi phí sửa chữa tài sản	1,959,681,660	2,428,572,772
Bản quyền phần mềm	-	30,891,657
Chi phí phân bổ khác	<u>13,210,703</u>	<u>26,880,529</u>
Cộng	<u>2,204,179,184</u>	<u>2,860,923,823</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	105,482,228,325	22,853,167,921	5,850,771,593	7,139,194,704	6,748,874,068	148,074,236,611
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-	(1,134,549,211)	-	-	-	(1,134,549,211)
Số cuối kỳ	<u>105,482,228,325</u>	<u>21,718,618,710</u>	<u>5,850,771,593</u>	<u>7,139,194,704</u>	<u>6,748,874,068</u>	<u>146,939,687,400</u>
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	9,745,666,364	180,250,000	136,475,000	3,152,345,355	13,214,736,719
Giá trị hao mòn						
Số đầu kỳ	23,926,120,530	18,140,321,492	2,673,454,984	4,519,515,289	6,163,726,043	55,423,138,338
Khấu hao trong kỳ	1,211,976,627	639,271,323	141,763,041	323,120,172	93,191,585	2,409,322,748
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-	(704,802,008)	-	-	-	(704,802,008)
Số cuối kỳ	<u>25,138,097,157</u>	<u>18,074,790,807</u>	<u>2,815,218,025</u>	<u>4,842,635,461</u>	<u>6,256,917,628</u>	<u>57,127,659,078</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	81,556,107,795	4,712,846,429	3,177,316,609	2,619,679,415	585,148,025	92,651,098,273
Số cuối kỳ	<u>80,344,131,168</u>	<u>3,643,827,903</u>	<u>3,035,553,568</u>	<u>2,296,559,243</u>	<u>491,956,440</u>	<u>89,812,028,322</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	1,961,780,458	1,961,780,458
Số cuối kỳ	<u>1,961,780,458</u>	<u>1,961,780,458</u>
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	80,000,000	80,000,000
Giá trị hao mòn		
Số đầu kỳ	1,577,392,601	1,577,392,601
Khấu hao trong kỳ	136,198,371	136,198,371
Số cuối kỳ	<u>1,713,590,972</u>	<u>- 1,713,590,972</u>
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	384,387,857	384,387,857
Số cuối kỳ	<u>248,189,486</u>	<u>248,189,486</u>

11. Bất động sản đầu tư**11a. Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Nhà</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	28,058,582,064	132,359,796,115	160,418,378,179
Mua mới trong kỳ	-	-	-
Thanh lý trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>28,058,582,064</u>	<u>132,359,796,115</u>	<u>160,418,378,179</u>
Số đầu kỳ	1,691,727,918	16,712,295,552	18,404,023,470
Khấu hao trong kỳ	156,570,126	1,116,044,085	1,272,614,211
Số cuối kỳ	<u>1,848,298,044</u>	<u>17,828,339,637</u>	<u>19,676,637,681</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	26,366,854,146	115,647,500,563	142,014,354,709
Số cuối kỳ	<u>26,210,284,020</u>	<u>114,531,456,478</u>	<u>140,741,740,498</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

11b. Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất - 253 Điện Biên Phủ, phường 07, quận 3, TP. HCM	5,530,000,000	838,952,969	4,691,047,031
Nhà cửa vật kiến trúc - 253 Điện Biên Phủ, phường 07, quận 3, TP. HCM	29,759,056,455	10,703,288,265	19,055,768,190
Quyền sử dụng đất - 102 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.01, TP.HCM	22,528,582,064	1,009,345,075	21,519,236,989
Nhà cửa vật kiến trúc - 102 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.01, TP.HCM	102,600,739,660	7,125,051,372	95,475,688,288
Cộng	160,418,378,179	19,676,637,681	140,741,740,498

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Số cuối kỳ
Cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu đô thị phát triển quận 2, TP. Hồ Chí Minh	474,481,611,915	-	474,481,611,915
Dự án BMC Vinh - Plaza	15,848,400,000	-	15,848,400,000
Cộng	490,330,011,915	-	490,330,011,915

13. Phải trả người bán ngắn hạn**13a. Phải trả người bán ngắn hạn:**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
CN Công ty CP Liên Doanh Alpec tại TP.HCM	250,021,446	250,021,446
Công ty TNHH Schindler Việt Nam	260,425,000	260,425,000
Công ty TNHH Viettel - CHT	-	43,332,300
Liên Hiệp HTX TM TP.HCM	-	2,750,000
Công ty TNHH DV Bảo Vệ Trung Dũng	-	104,281,982
Công ty CP Cơ Điện Lạnh Thái Đức Lâm	126,480,553	126,480,553
Công ty CP Care Việt Nam	81,880,928	92,227,235
Công ty CP Năng Lượng TTC	85,584,237	76,358,113
Công ty CP Kỹ Nghệ Vietstar	59,072,401	59,072,401
Công ty CP Alphanam E&C	52,746,470	52,746,470
Công ty TNHH DV Bảo Vệ An Việt Cường	-	122,100,000
Công ty TNHH TMDV Ý Nhân	-	82,885,000
Công ty CP Địa ốc Cửa Long 23-9	-	223,995,775
Công ty TNHH SX-TM và DV Quảng Cáo S&T	-	4,483,188
Các nhà cung cấp khác	215,559,582	310,406,824
Cộng	1,131,770,617	1,811,566,287

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

13b. Nợ quá hạn chưa thanh toán: (Bảo hành 5%, 10%)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
CN Công ty CP liên doanh Alpec tạ TP.HCM	250,021,446	250,021,446
Các nhà cung cấp khác	39,897,066	33,781,495
Cộng	<u>289,918,512</u>	<u>283,802,941</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu kỳ</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	980,348,856	-	1,478,998,796	1,649,942,272	809,405,380	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5,226,219,877	(39,179,212)	2,579,316,868	-	7,844,715,957
Thuế thu nhập cá nhân	446,030,512	407,980,704	896,964,070	1,339,626,702	9,057,764	413,670,588
Tiền thuế đất	586,113,999	10,012,800	7,075,996,001	7,662,110,000	-	10,012,800
Thuế môn bài	-	-	-	-	-	-
Thuế sử dụng đất	-	21,979,275	21,979,275	-	-	-
Cộng	<u>2,012,493,367</u>	<u>5,666,192,656</u>	<u>9,434,758,930</u>	<u>13,230,995,842</u>	<u>818,463,144</u>	<u>8,268,399,345</u>

15. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng phải trả cho người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí điện, nước phải trả	182,928,682	64,575,350
Chi phí kiểm toán báo cáo tài chính	-	40,000,000
Chi phí phải trả khác	123,702,608	28,119,671
Cộng	<u>306,631,290</u>	<u>132,695,021</u>

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Đầu Tư Biz Man	21,961,500	21,961,500
Tiền dịch vụ nhận trước	109,954,545	63,000,000
Cộng	<u>131,916,045</u>	<u>84,961,500</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

18. Phải trả khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Liên Hiệp HTX TM TP.HCM	101,000,000	33,000,894,479
Kinh phí công đoàn	64,650,167	131,789,129
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	25,000	-
Nhận ký quỹ ngắn hạn	6,123,130,893	15,889,542,600
Cổ tức phải trả	60,514,897,070	538,839,270
Phải trả tiền bán hàng thu hộ các quầy thuê	2,738,382,109	3,829,743,409
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	398,532,201	1,879,177,761
Cộng	<u>69,940,617,440</u>	<u>55,269,986,648</u>

18b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Co.opmart Vĩnh Phúc - Phải trả tiền nhận ký quỹ dài hạn	2,170,000,000	2,170,000,000
Công ty TNHH Nova An Phú - đặt cọc	102,500,000,000	102,500,000,000
Phải trả tiền nhận ký quỹ dài hạn	5,071,145,117	5,317,692,678
Cộng	<u>109,741,145,117</u>	<u>109,987,692,678</u>

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	6,587,611,485	-	6,000,000	36,676,000	6,556,935,485
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	668,961,809	627,112,339	-	-	1,296,074,148
Cộng	<u>7,256,573,294</u>	<u>627,112,339</u>	<u>6,000,000</u>	<u>36,676,000</u>	<u>7,853,009,633</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	1,000,000,000,000	823,763,605,694	341,393,964,361	9,994,643,234	2,175,152,213,289
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	20,399,235,564	715,515,436	21,114,751,000
Số dư cuối kỳ trước	1,000,000,000,000	823,763,605,694	361,793,199,925	10,710,158,670	2,196,266,964,289
Số dư đầu kỳ này	1,000,000,000,000	823,763,605,694	(*) 361,791,753,997	10,710,158,670	2,196,265,518,361
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	12,423,754,079	(491,972,782)	11,931,781,297
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	3,135,561,696	(3,762,674,035)	-	(627,112,339)
Chia cổ tức/ lợi nhuận trong năm nay	-	-	(60,000,000,000)	-	(60,000,000,000)
Số dư cuối năm nay	1,000,000,000,000	826,899,167,390	310,452,834,041	10,218,185,888	2,147,570,187,319

(*) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đầu kỳ này có sự thay đổi so với số liệu cuối kỳ trước là do có sự điều chỉnh giảm doanh thu kỳ trước làm cho lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước giảm 1.445.928 đồng.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh	960,927,960,000	960,927,960,000
Các cổ đông khác	39,072,040,000	39,072,040,000
Cộng	1,000,000,000,000	1.000.000.000.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 2/2019**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
Doanh thu tư vấn quản lý, tư vấn xây dựng	1,363,636,364	2,272,727,272	6,554,730,237	4,906,677,257
Doanh thu cho thuê mặt bằng và cung cấp dịch vụ	15,329,452,447	25,137,144,464	41,310,077,906	55,866,031,966
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	2,337,091,509	37,150,573,453	3,659,164,506	37,150,573,453
Doanh thu bán hàng hoá	825,057,552	1,660,818,185	1,778,795,642	3,489,604,507
Doanh thu khác	2,842,347,930	2,797,771,778	5,628,322,124	5,559,542,249
Cộng	22,697,585,802	69,019,035,152	58,931,090,415	106,972,429,432

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
Giá vốn cho thuê mặt bằng và cung cấp dịch vụ	14,717,408,327	17,112,029,303	29,228,749,196	34,362,326,750
Giá vốn cung cấp hàng hoá	562,325,454	1,099,334,183	1,219,543,058	2,466,797,263
Giá vốn kinh doanh bất động sản	1,743,758,584	35,396,759,699	3,468,460,795	35,396,759,699
Cộng	17,023,492,365	53,608,123,185	33,916,753,049	72,225,883,712

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
Lợi nhuận được chia	910,890,000	615,440,000	910,890,000	615,440,000
Lãi tiền gửi ngân hàng	1,871,521,001	2,038,754,082	3,710,036,093	4,737,225,830
Lãi cho vay	4,545,938,356	4,041,595,891	9,490,664,383	7,524,979,453
Cộng	7,328,349,357	6,695,789,973	14,111,590,476	12,877,645,283

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

4. Chi phí tài chính

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
Chi phí lãi vay	-	(257,219,178)	-	146,674,822
Trích lập/hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	1,058,722,534	(20,314,760)	1,058,722,534	(403,431,442)
Cộng	1,058,722,534	(277,533,938)	1,058,722,534	(256,756,620)

5. Chi phí bán hàng

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1,167,226,087	1,087,660,650	2,331,570,673	2,371,212,672
Chi phí vật liệu, đồ dùng VP	69,135,748	84,683,455	83,908,840	127,259,455
Chi phí khấu hao TSCĐ	593,749,850	654,473,058	1,222,614,399	1,358,829,115
Thuế, phí và lệ phí	-	-	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,131,760,572	1,222,034,686	2,539,774,447	2,259,401,145
Các chi phí khác	331,712,409	478,243,096	764,466,499	858,568,900
Cộng	3,293,584,666	3,527,094,945	6,942,334,858	6,975,271,287

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7,226,855,407	5,143,530,475	13,147,944,025	10,596,459,438
Chi phí vật liệu, đồ dùng VP	185,553,070	291,049,086	379,440,294	625,411,025
Chi phí khấu hao TSCĐ	543,221,451	565,532,649	1,278,334,270	1,432,450,184
Thuế, phí và lệ phí	218,043,759	28,206,423	250,570,881	47,372,846
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,658,190,170	2,731,771,273	5,969,873,907	5,813,538,968
Các chi phí khác	1,595,565,117	2,193,231,959	3,249,726,926	3,643,985,156
Cộng	12,427,428,974	10,953,321,865	24,275,890,303	22,159,217,617

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

7. Thu nhập khác

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	522,000,000	-	1,022,000,000
Thu tiền cọc thanh lý mặt bằng trước hạn	133,342,125	-	133,342,125	-
Thu tiền phế liệu MMTB	162,042,273	-	162,042,273	-
Thu các chương trình Pepsi		48,459,200	-	48,459,200
Thu nhập khác	64,087,831	265,400,810	154,547,054	649,915,983
Cộng	359,472,229	835,860,010	449,931,452	1,720,375,183

8. Chi phí khác

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
Chi phí thanh lý hợp đồng trước hạn	13,376,000	-	13,376,000	-
Xuất huỷ TS hư hỏng	429,747,203	-	429,747,203	-
Xuất hàng hoá tặng khách hàng	12,785,520	-	12,785,520	-
Thanh lý tài sản	-	3,250,000	-	-
Chi phí khác	23,473,524	214,255,691	1,425,303,556	632,967,485
Cộng	479,382,247	217,505,691	1,881,212,279	632,967,485

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	254,688,818	375,732,541	463,349,134	752,670,480
Chi phí nhân viên	8,394,081,494	6,231,191,125	15,479,514,698	12,967,672,110
Chi phí khấu hao TSCĐ	2,409,585,512	2,491,431,371	6,497,701,539	5,566,544,845
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18,978,503,442	21,161,872,678	37,239,632,597	41,027,464,397
Chi phí khác	2,145,321,285	2,699,681,478	4,235,237,184	4,549,926,901
Cộng	32,182,180,551	32,959,909,193	63,915,435,152	64,864,278,733

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2019



Tạ Ngọc Thảo
Người lập biểu



Bùi Thị Kim Nga
Kế toán trưởng



Đoàn Trần Thái Duy
Phó Tổng GD TT



